

CÔNG TY CP DƯỢC VITYT HẢI DƯƠNG
CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/CV-HDI
V/v: kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước

Hải Phòng, ngày 06 tháng 08 năm 2026

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG	
ĐẾN	Số: 736.15
	Ngày: 10/8/26
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty Cổ phần Dược VITYT Hải Dương – Chi nhánh Hải Dương I gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 06.08.2026

Công ty Cổ phần Dược VITYT Hải Dương – Chi nhánh Hải Dương I xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu nội bộ.

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
LÊ ĐỨC THẮNG

- Họ và tên người nộp văn bản: Đồng Thị Thanh Huế
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số nhà 385, đường Trần Phú, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Số điện thoại liên lạc: 035 305 4423
- Email: donghue998@gmail.com

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

12/11/1911

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (05/CV-HDI)	Giá kê khai kỳ này (đồng)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
8	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 20ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	5.750	5.750		0		
9	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 90ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	20.700	20.700		0		
10	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 125ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	23.000	23.000		0		
11	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 500ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	78.200	78.200		0		
12	Ceginkton (893210194025)	Hộp 5 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	105.000	105.000		0		
13	Ho Cidinex (893100715024)	Hộp 10 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	60.060	60.060		0		
14	Kim tiền thảo 200 (VD-21939-14)	Hộp 10 vi x 10 viên nang mềm	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	152.250	152.250		0		
15	Vitamin B1-HD (893100715324)	Hộp 3 vi x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	39.600	39.600		0		
16	Bát vị (VD-33688-19)	Hộp 10 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	96.600	96.600		0		
17	Botecgan (VD-32097-19)	Hộp 5 vi x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	72.974	72.974		0		
18	Cynara (VD-23760-15)	Hộp 5 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	75.000	75.000		0		
19	Diệp hạ châu 1g (VD-33690-19)	Hộp 2 vi x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	22.460	24.199	17/07/2026	1.739	7.7%	
20	Diệp hạ châu 1g (VD-33690-19)	Hộp 5 vi x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	51.077	51.975	17/07/2026	898	1.7%	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VITYT HẢI DƯƠNG
CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 08 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số Số: 06/CV-HDI ngày 06 tháng 08 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược VITYT Hải Dương – Chi nhánh Hải Dương I về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (05/CV-HDI)	Giá kê khai kỳ này (đồng)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Aciclovir 5% (VD-18434-13)	Hộp 1 tuyp 5g	Tuyp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	6.521	9.818	04/07/2026	3.297	50%	
2	ASA (893100828624)	Lọ 20ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	4.601	4.601		0		
3	BSI (893100075300)	Lọ 20ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	6.900	6.900		0		
4	Cồn 70 độ (893100147025)	Lọ 500ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	32.200	32.200		0		
5	Cồn 70 độ (893100147025)	Lọ 50ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	4.830	4.830		0		
6	Ketoconazol (893100309723)	Hộp 1 tuyp 10g	Tuyp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	13.152	15.015	17/06/2026	1.863	14%	
7	Nước Oxy già (893100902024)	Lọ 50ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	2.415	2.415		0		



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (05/CV-HDI)	Giá kê khai kỳ này (đồng)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
33	Lidocain (VD-23764-15)	Hộp 100 ống x 2ml	Ống	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	679	679		0		
34	Tirodi (893115147125)	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	6.600	6.600		0		
35	Vitamin B1 100mg/2ml (893110927824)	Hộp 50 ống x 2ml	Ống	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	1.150	1.150		0		
36	Hadugut 300 (893110107600)	Hộp 10 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	79.007	79.007		0		
37	Hadumix Cap (893100108000)	Hộp 10 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	125.895	125.895		0		
38	Hadupara Ib 200 (893100108100)	Hộp 10 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	126.500	126.500		0		
39	Hadupara 500mg (893100828924)	Hộp 10 vi x 12 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	69.300	69.300		0		
40	Haduquin 250mg (VD-35228-21)	Hộp 2 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	44.000	44.000		0		
41	Metronidazol 250mg (VD-34949-21)	Hộp 50 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	172.673	172.673		0		
42	Hadupara Kids 250 Effe (893100094125)	Hộp 24 gói x 1,5g	Hộp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	47.520	47.520		0		
43	Acemuc 200mg 893100495724	Hộp 30 gói	Gói	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	3.333	3.333		0		
44	Acemuc Kids 100mg 893100495624	Hộp 30 gói	Gói	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	2.472	2.472		0		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (05/CV-HDI)	Giá kê khai kỳ này (đồng)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
45	Amlodipin 5mg VDP 893110321224	Hộp 10 vỉ x10 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	402	402		0		
46	Apitrim 5893110140124	Hộp 3 vỉ x10 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	793	793		0		
47	Augmentin 625mg (Anh) VN-20169-16	Hộp 2 vỉ x7 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	15.094	16.060	21/07/2026	966	6.4%	
48	Cephalexin 500mg 893110154024	Hộp 10 vỉ x10 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	1.173	1.173		0		
49	Dexamethason 0,5mg VD-34484-20	Hộp 20 vỉ x30 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	74	74		0		
50	Fluopas 0,025% 893110161824	Hộp 1 tube 10g	Tuýp	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	5.837	5.873		0		
51	Eldoper 890110031323	Hộp 10 vỉ x10 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	299	322	04/07/2026	23	7.7%	
52	Meloxicam tablets BP (Ấn) VN-21688-19	Hộp 10 vỉ x10 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	253	253		0		
53	Naphazolin 0,05% Danapha 893100064800	Hộp 1 lọ	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	4.347	4.347		0		
54	Paracetamol (Thanh Hóa) 893100199300	Hộp 20 vỉ x10 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	209	209		0		
55	Prednisolon 5mg 893110229124	Hộp 50 vỉ x20 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	190	190		0		
56	Lactated Ringers VN-22701-21	Chai	Chai	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	18.400	18.400		0		
57	Xylometazolin 0,05%	Hộp 1 lọ	Lọ	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	4.601	4.601		0		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (05/CV-HDI)	Giá kê khai kỳ này (đồng)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
	893100040123									
58	Prednisolon 5mg Hà Tây 893110229124	Hộp 100 viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		190				
59	0,9% Sodium Chloride Solution For I.V Infusion Philippines VN-16752-13	Chai 500ml	Chai	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		18.400				
60	Quafa-Azi 500mg Quảng Bình 893110816324	Hộp 2vix10viên	Viên	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		6.038				
61	Glucose 5% chai 500ml K/20chai Fresenius Kabi Việt Nam 893110238000	Chai 500ml	Chai	Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		12.995				

Giá kê khai là mức giá kê khai lần đầu.

- Mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: 5%.

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá và bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ.